



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thực tập doanh nghiệp 2 - MH1104050

Mã lớp học phần: 24311MH110405001 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100069	Nguyễn Tấn Bảo	27/11/2005			7,0	Bảy, không	C25QT1	
2	2310100005	Phạm Thị Phương Dung	01/09/2005			5,0	Năm, không	C25QT1	
3	2310100030	Huỳnh Thị Mỹ Hải	11/04/2004			7,0	Bảy, không	C25QT1	
4	2310100007	Trương Văn Hiếu	01/01/2002			5,0	Năm, không	C25QT1	
5	2310100015	Phạm Nhật Hồng	18/01/2005			7,0	Bảy, không	C25QT1	
6	2210100068	Hứa Nhật Huy	20/01/2004			5,0	Năm, không	C24QT2	
7	2310100017	Lý Quốc Huy	15/07/2005			6,0	Sáu, không	C25QT1	
8	2310100059	Trương Minh Kha	23/04/2004			7,0	Bảy, không	C24QT2	
9	2210100205	Đoài Di Khang	18/01/2004					C24QT6	
10	2310100018	Nguyễn Nhật Khang	06/10/2005			7,0	Bảy, không	C25QT1	
11	2310100025	Phạm Thị Khánh Ly	08/12/2005			7,0	Bảy, không	C25QT1	
12	2310100001	Nguyễn Thị Thanh Mơ	12/01/1999			7,0	Bảy, không	C25QT1	
13	2310100008	Nguyễn Trọng Nghĩa	05/02/2005			5,0	Năm, không	C25QT1	
14	2310100013	Lê Văn Nhóc	28/02/2004			7,0	Bảy, không	C25QT1	
15	2310100024	Đỗ Thị Huỳnh Như	15/02/2005			7,0	Bảy, không	C25QT1	
16	2310100032	Lê Thị Ngọc Quý	06/01/2005			6,0	Sáu, không	C25QT1	
17	2310100022	Sơn Thị Sa Rây	18/03/2005			5,5	Năm, năm	C25QT1	
18	2310010016	Cao Yến Tây	02/07/2005			7,0	Bảy, không	C25QT1	
19	2310100029	Nguyễn Chí Thành	30/11/2005			7,0	Bảy, không	C25QT1	
20	2310100033	Lâm Phương Thảo	27/2/2002			6,0	Sáu, không	C25QT1	
21	2310100012	Danh Ngọc Thơm	25/08/2005			7,0	Bảy, không	C25QT1	
22	2310100009	Nguyễn Thị Mộng Thúy	13/10/2005			5,5	Năm, năm	C25QT1	
23	2310100011	Nguyễn Nhựt Minh Thư	29/07/2003			7,0	Bảy, không	C25QT1	
24	2310100021	Nguyễn Thị Anh Thư	26/10/2005			7,0	Bảy, không	C25QT1	
25	2310100014	Huỳnh Thanh Thy	08/03/2005			7,0	Bảy, không	C25QT1	
26	2310100028	Văn Thị Mai Thy	26/11/2005			5,0	Năm, không	C25QT1	

S/TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
27	2310100016	Huỳnh Hoa Thủy	Tiên	17/08/2005	<i>Ch</i>	7,0	<i>Bây, không</i>	C25QT1	
28	2310100026	Trần Thị Thủy	Tiên	16/10/2005	<i>Tiên</i>	6,0	<i>Sau, không</i>	C25QT1	
29	2310100019	Bùi Lê Ngọc	Trân	11/04/2005	<i>Trân</i>	7,0	<i>Bây, không</i>	C25QT1	
30	2310100020	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	28/04/2005	<i>Thanh</i>	6,5	<i>Bây, hoặc</i>	C25QT1	

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ: _____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____/_____

Tỷ lệ đạt: _____, _____%

Ngày: *17* tháng *7* năm *2015*

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phi Hân

Trần Phi Hân.

Ngày: *16* tháng *7* năm *2015*

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiên Dũng

Nguyễn Tiên Dũng

